

Số: 3817817

	KIA FRONTIER K200 TẬP LÁI	TOWNER V2.7-2S
Giá niêm yết:	424.000.000đ	329.000.000đ
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	5.290 x 1.790 x 2.660 mm	4.800x1.690x2.000 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	3.200 x 1.670 x 1.830 mm (9,78 m ³)	2.925x1.505x1.240 mm (5.46 m ³)
Chiều dài cơ sở	2.615 mm	3.135 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.490 / 1.340 mm	1.442/1.455 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	1.950 kg	1.360 kg
Khối lượng chở cho phép	1.850 kg	945 kg
Khối lượng toàn bộ	3.995 kg	2.435 kg
Khối lượng kéo theo	-	-
Số chỗ ngồi	3	2
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	HYUNDAI - D4CB	DAM16KR
Loại động cơ	Diesel, 04 kỳ, 04 xilanh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu trực tiếp điều khiển điện tử (ECU)	Hệ thống phun xăng điện tử EFI (Electronic Fuel Injection) giúp động cơ vận hành êm dịu, tiết kiệm nhiên liệu
Dung tích xi lanh	2.497 cc	1.597 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	130 / 3.800 Ps/(vòng/phút)	122/6.000 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	255 / 1.500~3.500 N.m/(vòng/phút)	158/4.400 - 5.200 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	01 đĩa, ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không	01 đĩa, ma sát khô, dẫn động cơ khí
Hộp số	M6AR1 - 6MT. Cơ khí, số sàn, 6 số tiến, 1 số lùi	DONGAN, DAM16KR Số sàn, 5 số tiến, 1 số lùi
Tỷ số truyền	ih1=4,271; ih2=2,248; ih3=1,364; ih4=1,000; ih5= 0,823; ih6= 0,676; iR=3,814	ih1 = 4,04; ih2 = 2,165; ih3 = 1,395; ih4 = 1; ih5 = 0,779; iR: 3,744
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Thủy lực, Trước đĩa/Sau tang trống, trợ lực chân không	Dẫn động thủy lực, ABS
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Độc lập, thanh xoắn, thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực	Macpherson
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực	Nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	195R15C/155R12C	195/70R15C
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	37,3%	>= 20%
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	5,2 m	6.5 m
Tốc độ tối đa	115 km/h	118 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	65 lít	43 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Thanh răng - bánh răng, trợ lực thủy lực	Thanh răng - bánh răng Trợ lực điện